TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 02/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 26/02/2020.
V/v: *Không công nhận là vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Ông Trần Xuân Phú

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Sen- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 283/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/12/2019 về " *Không công nhận là vợ chồng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX ST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST/HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm 1980 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cư trú tại: Thôn Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn*:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1982 (Triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn Nh, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Vũ Thị B trình bày: Chị và anh H kết hôn năm 1999, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị về nhà anh H sinh sống và làm ăn ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian chung sống, hàng ngày vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, nhưng tháng 8 năm

2019 (âm lịch) vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Văn M, sinh ngày 16/10/2000, hiện con chung đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ : chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn H là bị đơn trình bày: Anh và chị B có thời gian tìm hiểu sau đó về chung sống với nhau năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị B có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế mấy tháng nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị B là vợ chồng, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Văn M, sinh ngày 16/10/2000, hiện con chung đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Điều khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Vũ Thị B và anh Vũ Văn H là vợ chồng.

- Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng***:** Chị Vũ Thị B là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Vũ Văn Hà là bị đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, anh H vẫn vắng mặt Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị B và anh Vũ Văn H kết hôn năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2019 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống. Ngoài ra, anh H cho rằng chị B có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ mấy tháng nay.

Kết quả xác minh ở địa phương, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H chơi bời và mắc vào một số tệ nạn xã hội. Anh H cho rằng chị B có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương và tổ hòa giải nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị B và anh H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa chị B và anh H không có đăng ký kết hôn. Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị B và anh H là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vũ Thị B và anh Vũ Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0004070 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị B đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y(02b);
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã C.

Bùi Thị Hương